|  |  |
| --- | --- |
|  **Đơn vị:……………………** **Địa chỉ:…………………..** |  **Mẫu số S10-DN** (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính) |

**SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (sản phẩm, hàng** **hoá)**

***Năm......***

**Tài khoản:............Tên kho:..............**

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá)...........................................

 *Đơn vị tính:........................*

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chứng từ | Diễn giải | Tài khoản đối ứng | Đơn giá | Nhập | Xuất | Tồn | Ghi chú |
| Số hiệu | Ngày, tháng | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiền | Số lượng | Thành tiiền |
| A | B | C | D | 1 | 2 | 3=1x2 | 4 | 5= (1x4) | 6 | 7= (1x6) | 8  |
|  |  | Số dư đầu kỳ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | Cộng tháng | x | x |  |  |  |  |  |  |  |

 - Sổ này có ... trang, đánh số từ trang 01 đến trang ...

 - Ngày mở sổ: ...

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | *Ngày..... tháng.... năm .......* |
| **Người ghi sổ***(Ký, họ tên)* | **Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)* | **Giám đốc** *(Ký, họ tên, đóng dấu)* |